

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý III năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 22

03
C
C
IT
ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		595.786.999.222	624.722.880.664
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	21.133.261.581	13.102.604.317
1. Tiền	111		21.133.261.581	13.102.604.317
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		417.896.927.370	350.149.334.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	201.608.069.522	153.709.892.251
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.996.784.829	13.675.423.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	212.907.110.672	182.377.096.329
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	384.962.347	386.922.379
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	151.835.474.409	252.509.906.039
1. Hàng tồn kho	141		152.062.191.397	252.736.623.027
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.716.988)	(226.716.988)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		4.921.335.862	8.961.035.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	2.778.044.561	3.648.778.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	1.705.224.095	4.693.350.880
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	438.067.206	618.906.602
B. Tài sản dài hạn	200		163.702.855.725	164.910.689.131
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		41.712.675.499	46.512.675.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	41.712.675.499	46.512.675.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		117.171.807.941	113.084.506.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	32.830.902.868	28.703.922.338
- Nguyên giá	222		52.086.710.774	44.263.810.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.255.807.906)	(15.559.888.256)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.340.905.073	84.380.583.722
- Nguyên giá	228		84.732.709.623	84.732.709.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(391.804.550)	(352.125.901)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.601.970.944	860.042.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.601.970.944	860.042.273
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.216.401.341	4.453.465.299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	3.216.401.341	4.453.465.299
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		759.489.854.947	789.633.569.795

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		528.390.335.665	559.677.890.911
I. Nợ ngắn hạn	310		527.192.835.665	558.422.890.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	55.981.239.646	35.248.801.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.823.014.124	12.151.559.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	4.153.001.882	1.439.017.237
4. Phải trả người lao động	314		5.917.592.894	3.790.890.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.735.347.690	2.140.755.196
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	34.340.853.196	11.148.943.303
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	396.723.662.765	489.846.078.889
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	3.518.123.468	2.656.844.623
II. Nợ dài hạn	330		1.197.500.000	1.255.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	1.197.500.000	1.255.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D. Vốn chủ sở hữu	400		231.099.519.282	229.955.678.884
I. Vốn chủ sở hữu	410		231.099.519.282	229.955.678.884
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.751.560.692	6.019.792.133
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.16	1.199.078.892	1.121.899.985
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	25.124.249.541	27.615.936.902
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.402.515.703	4.907.730.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.721.733.838	22.708.206.543
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.17	16.024.630.157	15.198.049.864
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		759.489.854.947	789.633.569.795

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 10 năm 2018





Lê Thị Phú
 Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	782.768.388.040	921.606.832.744	2.151.362.284.697	2.659.154.099.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		6.073.636.364	36.893.114.560	28.566.636.032	69.042.095.297
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		776.694.751.676	884.713.718.184	2.122.795.648.665	2.590.112.003.950
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	728.717.263.939	849.627.975.080	1.988.051.515.003	2.480.021.035.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.977.487.737	35.085.743.104	134.744.133.662	110.090.968.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.070.157	581.580.658	19.310.707	593.527.605
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.828.286.914	5.061.586.740	15.779.619.375	16.171.802.509
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.828.286.914	5.061.586.740	15.779.619.375	16.171.802.509
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	27.251.843.967	29.110.258.167	83.016.521.039	83.673.853.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	14.839.759.780	12.686.581.486	45.208.100.131	40.744.586.740
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.063.667.233	(11.191.102.631)	(9.240.796.176)	(29.905.746.807)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	14.018.497.003	11.719.402.899	33.038.006.163	34.076.152.805
12. Chi phí khác	32	VI.08	332.951.617	23.254.960	604.908.034	777.092.024
13. Lợi nhuận khác	40		13.685.545.386	11.696.147.939	32.433.098.129	33.299.060.781
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.749.212.619	505.045.308	23.192.301.953	3.393.313.974
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.962.569.796	-	2.604.295.812	496.613.582
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	(2.255.374.181)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.786.642.823	505.045.308	20.588.006.141	5.152.074.573
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12.324.230.902	474.885.132	19.721.733.838	5.379.222.218
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		462.411.921	30.160.176	866.272.303	(227.147.645)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	685	26	1.096	299
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	685	26	1.096	299

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 10 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.192.301.953	3.393.313.974
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.353.941.130	5.714.526.684
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	496.898.431	5.953.204.901
Chi phí lãi vay	06	15.779.619.375	16.171.802.509
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.822.760.889	31.232.848.068
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(59.778.626.368)	(65.388.163.534)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	100.674.431.630	4.407.617.917
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.882.641.788	18.899.246.402
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	2.107.797.402	(13.384.070)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.779.619.375)	(16.171.802.509)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.493.342.465)	(2.250.344.481)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(545.400.000)	(39.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111.890.643.501	(29.173.482.207)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.916.582.548)	(22.464.639.238)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.217.201.728	7.811.716.832
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.310.707	7.287.061
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.680.070.113)	(14.645.635.345)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	1.526.053.687.187	2.219.733.350.250
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.619.233.603.311)	(2.172.567.404.596)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.179.916.124)	47.165.945.654
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.030.657.264	3.346.828.102
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.102.604.317	9.082.072.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.133.261.581	12.428.901.081

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 10 năm 2018

Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 180.000.000.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 30/9/2018: 180.000.000.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, quận 2, TPHCM	Thương mại và dịch vụ	97,00%	97,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	55,00%	55,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý III năm 2018. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- | | |
|-------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 04 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 07 năm |
| - Thiết bị quản lý | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm | 02 - 05 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động cũng được trích lập với tỷ lệ là 25%, 4,5%, 2% và 0,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.
- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.598.283.515	2.223.247.145
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	1.737.981.560	1.612.297.358
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	404.849.494	358.953.768
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	1.455.452.461	251.996.019
Tiền gửi ngân hàng	17.534.978.066	10.879.357.172
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	15.348.364.315	3.858.130.350
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	575.668.954	2.334.862.570
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	1.610.944.797	4.686.364.252
Cộng	21.133.261.581	13.102.604.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)			183.840.631.722	153.617.892.251
- Phải thu các Bên liên quan				
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô			17.767.437.800	92.000.000
Cộng			201.608.069.522	153.709.892.251
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn				
- Công Ty TNHH Minh Long			-	12.159.659.337
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác			2.996.784.829	1.515.764.525
Cộng			2.996.784.829	13.675.423.862
4. Phải thu khác			Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khác ngắn hạn				
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam			23.698.735.772	34.057.274.037
- Phải thu khác từ Công ty TNHH SX XD TM Hưng Nhân			1.421.636.364	1.421.636.364
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân			2.350.000.000	1.150.000.000
- Phải thu khác từ Ông Lê Công Tâm			4.873.540.000	2.768.040.000
- Phải thu khác Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô			173.456.314.380	134.088.221.526
- Các khoản tạm ứng			2.695.080.282	2.094.963.880
- Ký quỹ ngắn hạn khác			188.364.560	91.514.560
- Các khoản phải thu khác			4.223.439.314	6.705.445.962
Cộng			212.907.110.672	182.377.096.329
b) Phải thu khác dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô			37.634.102.400	42.434.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác			4.078.573.099	4.078.573.099
Cộng			41.712.675.499	46.512.675.499
5. Tài sản thiếu chờ xử lý			Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto				
- Hàng tồn kho	384.962.347	-	384.962.347	-
Tại Công ty CP Ô tô Nha Trang				
- Hàng tồn kho	-	-	1.960.032	-
Cộng	384.962.347	-	386.922.379	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	4.033.649	-	3.089.155	-
- Chi phí sản xuất dở dang	2.597.791.473	-	2.281.446.364	-
- Hàng hóa (6.1)	149.460.366.275	(226.716.988)	250.452.087.508	(226.716.988)
Cộng	152.062.191.397	(226.716.988)	252.736.623.027	(226.716.988)

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại	106.944.145.005	208.281.707.732
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	69.880.327.278	121.965.228.201
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	27.737.772.273	72.244.356.806
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	9.326.045.454	14.072.122.725
Phụ tùng, phụ kiện	42.516.221.270	42.170.379.776
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	21.887.777.307	20.743.427.847
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	12.421.759.323	11.321.728.953
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	8.206.684.640	10.105.222.976
Cộng	149.460.366.275	250.452.087.508

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(226.716.988)
- Trích lập dự phòng	-
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(226.716.988)

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	751.856.757	899.437.185
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	669.126.201	600.788.676
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.357.061.603	2.148.552.144
Cộng	2.778.044.561	3.648.778.005

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.781.786.377	3.991.038.918
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	434.614.964	462.426.381
Cộng	3.216.401.341	4.453.465.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.863.299.547	174.600.000	-	9.037.899.547
Máy móc, thiết bị	14.382.469.414	1.303.124.000	83.459.545	15.602.133.869
Phương tiện vận tải	20.083.823.925	14.664.229.878	8.268.294.153	26.479.759.650
Thiết bị, dụng cụ quản lý	934.217.708	32.700.000	-	966.917.703
Cộng	44.263.810.594	16.174.653.878	8.351.753.698	52.086.710.774
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.194.103.338	515.806.678	-	6.709.910.016
Máy móc, thiết bị	5.625.174.143	1.480.008.752	38.831.860	7.066.351.035
Phương tiện vận tải	3.207.373.043	3.201.154.233	1.579.510.971	4.829.016.305
Thiết bị, dụng cụ quản lý	533.237.732	117.292.818	-	650.530.550
Cộng	15.559.888.256	5.314.262.481	1.618.342.831	19.255.807.906
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.669.196.209			2.327.989.531
Máy móc, thiết bị	8.757.295.271			8.535.782.834
Phương tiện vận tải	16.876.450.882			21.650.743.345
Thiết bị, dụng cụ quản lý	400.979.976			316.387.158
Cộng	28.703.922.338			32.830.902.868

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.247.058.013 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	710.235.000	-	-	710.235.000
Cộng	84.732.709.623	-	-	84.732.709.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	352.125.901	39.678.649	-	391.804.550
Cộng	352.125.901	39.678.649	-	391.804.550
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	358.109.099			318.430.450
Cộng	84.380.583.722			84.340.905.073

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	10.125.493.001	10.125.493.001	10.237.264.595	10.237.264.595
- Công ty TNHH Minh Long	11.740.934.575	11.740.934.575	9.218.430.650	9.218.430.650
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	28.715.073.940	28.715.073.940	10.021.011.407	10.021.011.407
- Các đối tượng khác	5.399.738.130	5.399.738.130	5.772.094.545	5.772.094.545
Cộng	55.981.239.646	55.981.239.646	35.248.801.197	35.248.801.197

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	- Thuế GTGT phải nộp	43.859.038	143.862.358.600	142.006.707.000
- Thuế TNDN	1.092.876.438	2.245.551.814	1.314.054.028	2.024.374.224
- Thuế TNCN	302.281.761	2.323.358.236	2.396.522.977	229.117.020
- Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	1.439.017.237	148.439.268.650	145.725.284.005	4.153.001.882

b) Phải thu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	4.693.350.880	70.228.912.653	73.217.039.438
- Thuế TNDN	613.967.137	179.288.437	358.743.998	434.511.576
- Thuế TNCN	4.939.465	194.271.571	195.655.406	3.555.630
Cộng	5.312.257.482	70.602.472.661	73.771.438.842	2.143.291.301

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	477.787.780	610.828.865
- Trích trước chi phí thuê ngoài gia công	-	831.178.000
- Chi phí phải trả khác	1.257.559.910	698.748.331
Cộng	1.735.347.690	2.140.755.196

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	374.068.344	232.524.265
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	2.625.719.179	2.312.283.080
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	3.225.752.441	2.715.895.641
- Phải trả Ông Trần Trung Chánh	1.883.823.029	-
- Phải trả Ông Trần Quang Trí	1.469.375.773	279.154.271
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP City Auto	18.004.700.000	4.700.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty CP ô tô Phú Mỹ	37.486.898	-
- Phải trả Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	140.000.000	-
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.420.000.000	1.420.000.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	493.392.622	133.925.050
- Các khoản phải trả khác	4.666.534.910	4.050.460.990
Cộng	34.340.853.196	11.148.943.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	489.846.078.889	1.525.423.687.187	1.618.546.103.311	396.723.662.765
- NH Ngoại thương (14.1)	161.852.066.265	540.844.739.244	600.137.919.744	102.558.885.765
- NH Bảo Việt (14.2)	161.063.977.400	371.728.310.000	418.006.181.400	114.786.106.000
- NH Quân đội	56.542.926.500	107.759.727.455	164.302.653.955	-
- NH Quốc tế	34.092.143.000	-	34.092.143.000	-
- NH Công Thương (14.3)	10.377.438.724	221.196.651.488	209.489.595.212	22.084.495.000
- NH An Bình (14.4)	-	46.008.524.000	3.624.584.000	42.383.940.000
- NH Xuất nhập khẩu (14.5)	22.906.412.000	162.508.300.000	116.791.616.000	68.623.096.000
- NH VN Thịnh Vượng (14.6)	42.171.115.000	60.613.435.000	71.261.410.000	31.523.140.000
- NH Đầu tư và Phát triển (14.7)	-	14.764.000.000	-	14.764.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ NH Ngoại thương (14.1)	840.000.000	-	840.000.000	-
b. Dài hạn	1.255.000.000	630.000.000	687.500.000	1.197.500.000
- NH Ngoại thương (14.1)	1.255.000.000	630.000.000	687.500.000	1.197.500.000
Cộng	491.101.078.889	1.526.053.687.187	1.619.233.603.311	397.921.162.765

Cho đến ngày 30/9/2018, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(14.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại các chi nhánh sau:

(14.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 0108/1838/N-KD/01 ngày 15/8/2018 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/8/2019, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 40.539.770.000 đồng.

(14.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng số 0116/1838/N-CTD ngày 24/8/2018 với hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe Ford hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 30.000.000.000 đồng.

(14.1.3) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và hợp đồng gia hạn số 2018/ONT ngày 01/2/2018 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: các xe ô tô tồn kho luân chuyển với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và số 2018/ONT/TS ngày 01/02/2018. Số dư các khoản vay đến ngày 30/9/2018 là 32.019.115.765 đồng.

(14.1.4) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 2017/VCB-ONT/XE3 ngày 06/10/2017 với số tiền vay là 1.265.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay cố định 8,2%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BS 79A-150.41, ô tô Ford Ranger BS 79C-121.71 và ô tô Ford Focus BS 79A-156.58. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS3 ngày 06/10/2017.

- Số 2018/CVTL-ONT/PTVT ngày 04/7/2018 với số tiền vay là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay cố định 8,2%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BS 79A-178.60 và xe ô tô Ford Focus BS 79A-186.44. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2018/TC-ONT/PTVT ngày 04/7/2018.

Số dư các khoản vay đến ngày 30/9/2018 là 1.197.500.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(14.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 0897/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 27/10/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/9/2018 là 92.194.956.000 đồng;

- Hợp đồng số 0114/2017/HĐTD1/BVB03 ngày 17/3/2017 và phụ lục gia hạn, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Ford nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam, xe có sẵn trong kho hoặc/và xe hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/9/2018 là 22.591.150.000 đồng.

(14.3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 04 TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017- HĐCVHM/NHCT908- PHUMYFORD ngày 23/12/2017 với tổng hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa chi tiết theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2016-HĐTC HH/NHCT908- PHUMYFORD ngày 21/12/2016 và hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016-HĐTCQTS/NHCT908-PHUMYFORD ngày 21/12/2016. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 22.084.495.000 đồng.

(14.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2682/18/TD/1 ngày 14/8/2018 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh; bao gồm hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% và xe ô tô hiện hữu nhãn hiệu Ford mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/9/2018 là 42.383.940.000 đồng

(14.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 1007-LAV-201701434 ngày 22/12/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 187/EIB.HB-KHDN/TC/2017 ngày 22/12/2017 và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 68.623.096.000 đồng.

(14.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/17/0062/HDHM ngày 07/7/2017 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 31.523.140.000 đồng.

(14.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4528578/HĐTD ngày 31/5/2018 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2018 là 14.764.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	9 tháng đầu năm 2018	9 tháng đầu năm 2017
15. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	2.656.844.623	1.225.591.223
Tăng do trích quỹ	1.406.678.845	
Giảm do chi quỹ	(545.400.000)	(34.000.000)
Tăng/(giảm) khác	-	150.000.000
Số dư cuối kỳ	3.518.123.468	1.341.591.223

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	407.699.493	734.606.220	20.405.728	1.121.899.985
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.134.891.059	2.905.306.802	20.405.728	6.019.792.133
- LNST chưa phân phối	27.949.282.459	22.708.206.543	23.041.552.100	27.615.936.902
Cộng	211.491.873.011	26.348.119.565	23.082.363.556	214.757.629.020
	01/01/2018	Tăng	Giảm	30/9/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	1.121.899.985	77.178.907	-	1.199.078.892
- Quỹ Đầu tư phát triển	6.019.792.133	2.731.768.559	-	8.751.560.692
- LNST chưa phân phối	27.615.936.902	19.721.733.838	22.213.421.199	25.124.249.541
Cộng	214.757.629.020	22.530.681.304	22.213.421.199	215.074.889.125

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	9 tháng đầu năm 2018	9 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.615.936.902	27.949.282.459
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	19.721.733.838	5.379.222.218
- Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
- Trích quỹ Đầu tư và phát triển	(2.733.973.671)	(2.905.306.802)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(79.384.019)	(1.452.653.400)
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	(1.406.678.845)	(734.606.220)
- Tăng/(giảm) khác	6.615.336	51.014.320
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	25.124.249.541	10.286.952.575

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	1.822.572.149	956.299.846
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(279.709.737)	(242.222.839)
+ Trích lập các quỹ	(18.232.255)	(16.027.143)
Cộng	16.024.630.157	15.198.049.864

18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	736.737.445.111	868.859.019.375
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.030.942.929	52.747.813.369
Cộng	782.768.388.040	921.606.832.744

Các khoản giảm trừ

Giảm giá hàng bán	-	69.712.742
Hàng bán bị trả lại	6.073.636.364	36.823.401.818

Cộng doanh thu thuần	776.694.751.676	884.713.718.184
-----------------------------	------------------------	------------------------

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán xe	717.876.790.837	828.049.442.685
Doanh thu bán phụ tùng	12.787.017.910	3.986.174.872
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.064.605.946	51.383.392.681
Doanh thu khác	966.336.983	1.294.707.946
Cộng	776.694.751.676	884.713.718.184

b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	71.898.827.093	53.260.636.040

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Giá vốn xe đã bán	691.570.523.925	815.263.366.431
- Giá vốn hàng hóa đã bán	10.029.435.886	2.928.288.577
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	27.117.304.128	31.436.320.072
Cộng	728.717.263.939	849.627.975.080

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Lãi tiền gửi ngân hàng	6.070.157	7.287.061
- Lãi cho vay	-	574.293.597
Cộng	6.070.157	581.580.658

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Chi phí lãi vay	4.828.286.914	5.061.586.740
Cộng	4.828.286.914	5.061.586.740
5. Chi phí bán hàng	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Chi phí nhân viên	10.925.448.118	10.801.116.517
- Chi phí khấu hao TSCĐ	760.165.490	597.831.837
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.032.063.651	4.274.791.387
- Chi phí bằng tiền khác	12.534.166.708	13.436.518.426
Cộng	27.251.843.967	29.110.258.167
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Chi phí nhân viên quản lý	4.985.255.616	4.616.449.687
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	773.049.733	544.878.191
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.039.131.549	1.693.112.459
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.233.686.223	5.124.831.096
- Chi phí bằng tiền khác	808.636.659	707.310.053
Cộng	14.839.759.780	12.686.581.485
7. Thu nhập khác	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	286.420.107
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	9.881.339.639	9.885.220.505
- Thu hỗ trợ chi phí hoạt động	3.466.480.284	-
- Thu nhập khác	670.677.080	1.547.762.287
Cộng	14.018.497.003	11.719.402.899
8. Chi phí khác	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định/(Hoàn nhập lỗ kỳ trước)	320.744.799	-
- Chi phí khác	12.206.818	23.254.960
Cộng	332.951.617	23.254.960
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	1.304.764.493	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	427.285.435	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	230.519.868	-
Cộng	1.962.569.796	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.786.642.823	505.045.308
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	462.411.921	30.160.176
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	12.324.230.902	474.885.132
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	12.324.230.902	474.885.132
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.000.000	18.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	685	26
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	12.324.230.902	474.885.132
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	12.324.230.902	474.885.132
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	18.000.000	18.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	685	26
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	719.720.341.890	844.451.852.941
- Chi phí nhân công	17.293.461.761	15.417.566.204
- Chi phí khấu hao	2.967.478.395	2.290.944.296
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.142.643.970	14.973.680.329
- Chi phí khác	13.684.941.670	14.290.770.963
Cộng	770.808.867.686	891.424.814.733

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	71.898.827.093
		Mua hàng hóa	71.855.609.093
		Nhận cung cấp dịch vụ	4.466.739.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2018

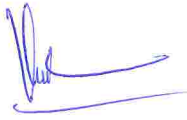
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

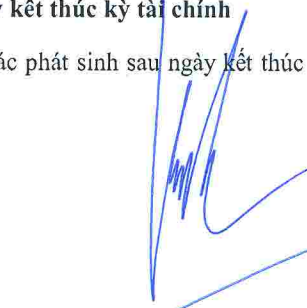
Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
		Phải thu	191.223.752.180
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Phải thu ký quỹ	37.634.102.400
		Phải trả	(28.855.073.940)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 10 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc